

**TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG HẢI****DANH SÁCH KHOẢN VĂN PHÒNG PHẨM****Năm học 2025-2026**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên GV</b>   | <b>Dạy lớp ( môn)</b> | <b>Số tiền</b> | <b>Chuyển qua TK ATM</b> |
|------------|-----------------------|-----------------------|----------------|--------------------------|
| 1          | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 1A1                   | 300.000        |                          |
| 2          | Tô Thị Bích Liên      | 1A2                   | 300.000        |                          |
| 3          | Trần Thị Ánh Nguyệt   | 1A3                   | 300.000        |                          |
| 4          | Phùng Thị Luyến       | 1A4                   | 300.000        |                          |
| 5          | Đặng Thị Cẩm          | 1A5                   | 300.000        |                          |
| 6          | Lê Thị Hằng           | 1A6                   | 300.000        |                          |
| 7          | Đỗ Thị Thanh Mai      | 1A7                   | 300.000        |                          |
| 8          | Lê Thị Mai Quyên      | 1A8                   | 300.000        |                          |
| 9          | Phạm Thị Diệp         | 1A9                   | 300.000        |                          |
| 10         | Đồng Thị Hương        | 1A10                  | 300.000        |                          |
| 11         | Đinh Thị Mỹ Phượng    | 1A10                  | 300.000        |                          |
| 12         | Tạ Diệu Anh           | 2A1                   | 300.000        |                          |
| 13         | Hoàng Thị Nữ          | 2A2                   | 300.000        |                          |
| 14         | Dư Thị Trang          | 2A3                   | 300.000        |                          |
| 15         | Nguyễn Thị Ngát       | 2A4                   | 300.000        |                          |
| 16         | Lê Thị Vân            | 2A5                   | 300.000        |                          |
| 17         | Nguyễn Thị Ngọc Thu   | 2A6                   | 300.000        |                          |
| 18         | Trần Thị Thủy         | 2A7                   | 300.000        |                          |
| 19         | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 2A8                   | 300.000        |                          |
| 20         | Nguyễn Thị Ánh Tuyết  | 2A9                   | 300.000        |                          |
| 21         | Dương Thị Hiệu        | 2A10                  | 300.000        |                          |
| 22         | Nguyễn Thị Thu        | 3A1                   | 300.000        |                          |
| 23         | Nguyễn Thị Nhân       | 3A2                   | 300.000        |                          |
| 24         | Trần Thị Hiếu         | 3A3                   | 300.000        |                          |
| 25         | Hoàng Thị Thanh Xuân  | 3A4                   | 300.000        |                          |
| 26         | Phạm Thị Thanh Thùy   | 3A5                   | 300.000        |                          |
| 27         | Trần Thị Ngọc Hương   | 3A6                   | 300.000        |                          |
| 28         | Lê Thị Chuyên         | 3A7                   | 300.000        |                          |
| 29         | Phạm Thị Thanh Hương  | 3A8                   | 300.000        |                          |
| 30         | Trịnh Thị Thu Trang   | 3A9                   | 300.000        |                          |
| 31         | Phạm Thị Huyền Trang  | 3A10                  | 300.000        |                          |
| 32         | Vũ Thị Hương          | 4A1                   | 300.000        |                          |
| 33         | Lê Thị Minh Tâm       | 4A2                   | 300.000        |                          |
| 34         | Vũ Kiều Trang         | 4A3                   | 300.000        |                          |
| 35         | Lương Minh Chi        | 4A4                   | 300.000        |                          |
| 36         | Bùi Thị Tuyết         | 4A5                   | 300.000        |                          |
| 37         | Nguyễn Thị Hải        | 4A6                   | 300.000        |                          |

|                  |                        |                  |                   |  |
|------------------|------------------------|------------------|-------------------|--|
| 38               | Phạm Thị Thái Hằng     | 4A7              | 300.000           |  |
| 39               | Nguyễn Quỳnh Anh       | 4A8              | 300.000           |  |
| 40               | Nguyễn Minh Nguyệt     | 4A9              | 300.000           |  |
| 41               | Phạm Thị Hảo           | 4A10             | 300.000           |  |
| 42               | Đỗ Minh Ngọc           | 5A1              | 300.000           |  |
| 43               | Đào Thị Linh Đan       | 5A2              | 300.000           |  |
| 44               | Trịnh Thị Hà           | 5A3              | 300.000           |  |
| 45               | Phạm Huyền Linh        | 5A4              | 300.000           |  |
| 46               | Trần Tô Mai Phương     | 5A5              | 300.000           |  |
| 47               | Lê Thùy Trang          | 5A6              | 300.000           |  |
| 48               | Nguyễn Thị Thúy Chiêu  | 5A7              | 300.000           |  |
| 49               | Trần Khánh Linh        | 5A8              | 300.000           |  |
| 50               | Nguyễn Thị Minh Thúy   | 5A9              | 300.000           |  |
| 51               | Trần Hoài Giang        | 5A10             | 300.000           |  |
| 52               | Nguyễn Thị Hồng Ngọc   | Phụ giảng khối 1 | 300.000           |  |
| 53               | Nguyễn Thị Vân Anh     | Phụ giảng khối 1 | 300.000           |  |
| 54               | Lê Bùi Thanh Thúy      | Phụ giảng khối 2 | 300.000           |  |
| 55               | Nguyễn Quỳnh Châm      | Phụ giảng khối 2 | 300.000           |  |
| 56               | Lê Thị Hoàn            | Phụ giảng khối 2 | 300.000           |  |
| 57               | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Âm nhạc          | 300.000           |  |
| 58               | Phạm Thị Thúy Nga      | Âm nhạc          | 300.000           |  |
| 59               | Lê Văn Tú              | Mỹ thuật         | 300.000           |  |
| 60               | Nguyễn Mai Thương      | Mỹ thuật         | 300.000           |  |
| 61               | Vũ Thị Hương Giang     | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 62               | Đỗ Thị Thu Hà          | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 63               | Nguyễn Thị Minh Thảo   | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 64               | Trương Thị Chinh       | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 65               | Hoàng Thị Thu Hằng     | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 66               | Hứa Linh Chi           | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 67               | Đỗ Thị Thu Hương       | Tiếng Anh        | 300.000           |  |
| 68               | Bùi Xuân Thuận         | Tin học          | 300.000           |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                        |                  | <b>20.400.000</b> |  |

**Số tiền chi bằng chữ: Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng.**

Ngày 06 tháng 11 năm 2025

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thu Hằng**

**Hiệu trưởng**



**Trần Thị Minh Huệ**